TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 597/2017/HS-PT
Ngày: 20/11/ 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 431/2017/TLPT-HS ngày 01 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Trần Vĩnh Phước và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. TRẦN VĨNH P (Tr, Tr A); Sinh năm: 1991; ĐKTT: Ấp P N, xã P A H, huyện C T, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Trần Văn C, sinh năm 1967 và bà Điêu Thị Ú, sinh năm 1962; Vợ: Tài Thị Mộng K; Có 01 con sinh năm 2016;

* Về nhân thân:

- Ngày 18/5/2009, bị Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 25/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Ngày 28/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", đến ngày 17/3/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2011/HSST ngày 28/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Bến Tre tuyên phạt Trần Vĩnh P 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2016 cho đến nay; Tại phiên tòa, bị cáo khai bị bắt ngày 01/5/2016 Tòa án kiểm tra hồ sơ căn cứ biên bản bắt bị cáo là ngày 17/5/2016; (có mặt).

2. LÊ ĐỖ BÍCH A; Sinh năm: 1980; ĐKTT: Số 08/1 Đ B L, khu phố 5, phường 9, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện nay: Số 110/20 đường N V H, phường A P, quận N K, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Văn C (chết) và bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1961; Chồng: Phạm Thanh T, sinh năm 1977 (là bị cáo trong vụ án); Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05 ngày 13/10/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre;

Bị cáo tại ngoại; (có mặt).

- Các bị cáo không có kháng cáo, Tòa án triệu tập xét kháng cáo đối với hai bị cáo Trần Vĩnh P, Lê Đỗ Bích A:

1. TRẦN THỊ KIM P; Sinh năm: 1972; ĐKTT: Số 84, khu phố 2, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Ấp P N, xã P A H, huyện C T, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

2. TRẦN KIM N (Đen); Sinh năm: 1983; ĐKTT: Số 20B, ấp P N, xã P A H, huyện C T, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

3. PHẠM THANH T; Sinh năm: 1977; ĐKTT: Số 08/1 Đ B L, khu phố 5, phường 9, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang; (có mặt).

4. HUỲNH THỊ KIM Ú (Cúc); Sinh năm: 1961; ĐKTT: Số 87/5 H K A, phường 5, quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Ấp A M, xã A K, huyện C T, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Vĩnh P: Ông Tạ Thanh Phúc - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Đỗ Bích A: Ông Bùi Ngọc Sơn - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt); Bị cáo đồng ý phiên tòa tiến hành xét xử với sự vắng mặt của luật sư

- Người làm chứng:

1. Diệp Phương U (T), sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp T T H, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Bến Tre; (vắng mặt).

2. Nguyễn Hải Đ (V), sinh năm 1984; Địa chỉ: 259B, đường T Đ, phường 6, thành phố B T, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

3. Lê Hoàng H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp H H, xã H N, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long; (có mặt).

4. Huỳnh Bá C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp 6, xã T T, huyện C T, tỉnh Bến Tre; (vắng mặt).

5. Trần Thị Ngọc H (Th), sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp P N, xã P A H, huyện C T, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

6. Trần Văn M, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp 8, xã T T, huyện C T, tỉnh Bến Tre; (vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Kim T, Văn Mộng L, Phạm Thị Phương T, Nguyễn Thị Mười L không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ 45 phút ngày 06/5/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre bắt quả tang Huỳnh Thị Kim Ú và Văn Mộng L bán trái phép 01 gói Heroine giá 200.000 đồng cho Hồ Trung H tại sạp kẹo H N ở ấp A M, xã A K, huyện C T, tỉnh Bến Tre.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Văn Mộng L tại sạp kẹo H N thu giữ:

- 01 (Một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu JET, bên trong có 03 gói nylon màu trắng hàn kín, trong mỗi gói nylon có chứa chất màu trắng nghi là chất ma túy;

- 01 (Một) túi nylon màu trắng, bên trong có 04 gói nylon màu trắng hàn kín, bên trong mỗi gói nylon đều có chất màu trắng nghi là chất ma túy;

- 06 (Sáu) gói nylon màu trắng hàn kín, bên trong mỗi gói nylon đều có chất màu trắng nghi là chất ma túy;

- 22 (Hai mươi hai) gói nylon màu trắng được hàn kín, bên trong mỗi gói nylon đều có chứa gói giấy báo nghi có chứa chất ma túy;

- 61 (Sáu mươi mốt) gói giấy báo, bên ngoài mỗi gói giấy báo được quấn một sợi dây thun, bên trong có gói nylon màu trắng hàn kín có chứa chất màu trắng nghi là chất ma túy;

Lúc 18 giờ 00 phút ngày 06/5/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre bắt quả tang Trần Kim T bán trái phép 01 gói Heroin giá 1.100.000 đồng cho Nguyễn Duy K tại ấp P N, xã P A H, huyện C T, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào lời khai Huỳnh Thị Kim Ú, Văn Mộng L và Trần Kim T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre bắt, khám xét khẩn cấp đối với

Trần Thị Kim P; bắt khẩn cấp đối với Trần Kim N, Phạm Thanh T, Phạm Thị Phương T.

Vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp Trần Thị Kim P tại nhà trọ do bà Trần Thị Kim Q làm chủ thuộc ấp 5, xã T A, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang:

- 02 (Hai) gói nylon màu trắng có ký hiệu Số "4", bên trong có Hai mươi mốt (21) gói nylon có chứa chất màu trắng nghi là ma túy;

- 21 (Hai mươi mốt) gói nylon có chứa chất màu trắng nghi là ma túy;

- 02 (Hai) gói nylon lớn bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy;

- 05 (Năm) gói nylon nhỏ bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy;

- 07 (Bảy) gói nylon bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy;

- 10 (Mười) gói nylon màu trắng bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy;

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị Kim P tại nhà không số thuộc ấp P N, xã P A H, huyện C T, tỉnh Bến Tre thu giữ:

- 01 (Một) mảnh giấy báo được gộp lại buộc bằng dây thun màu vàng, bên trong có chứa một gói nylon màu trắng hàn kín chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy;

Thu giữ khi bắt khẩn cấp Trần Kim N: 01 (Một) gói giấy bạc bên trong có: 01 (Một) gói nylon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất màu trắng nghi là chất ma túy, 01 (Một) gói nylon màu trắng hở một đầu bên trong có chứa chất màu trắng nghi là chất ma túy.

Thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị Phương T:

- 01 (Một) gói nylon màu đen kiểm tra bên trong có 14 (Mười bốn) gói giấy nhiều màu, bên trong mỗi gói có 01 (Một) gói nylon màu trắng hàn kín bên trong có chứa chất màu trắng nghi là chất ma túy; 38 (Ba mươi tám) gói nylon màu trắng hàn kín bên trong đều có chất màu trắng nghi là chất ma túy và 05 (Năm) đoạn ống nhựa màu trắng, sọc xanh dài khoảng 1,5cm được hàn kín hai đầu bên trong đều có chất màu trắng nghi là chất ma túy;

- 03 (Ba) gói giấy nhiều màu kích thước 10x 15cm, bên trong mỗi gói đều có chứa một gói nylon màu trắng được hàn kín bên trong đều có chứa chất màu trắng nghi là chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1606/C54B ngày 08/5/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói ký hiệu N_1: Chất màu trắng trong 14 gói nylon (bên ngoài bọc gói giấy), 38 gói nylon và 05 đoạn ống nhựa màu trắng sọc xanh được niêm phong gửi giám định đều có chứa thành phần Heroine, tổng trọng lượng: 17,2219g.

- Gói ký hiệu N_2: chất màu trắng trong 03 gói nylon (bên ngoài bọc gói giấy) được niêm phong gửi giám định đều có chứa thành phần Heroine, tổng trọng lượng: 0,3853g.

Tại Kết luận giám định số 1607/C54B ngày 08/5/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chất màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Heroine, trọng lượng: 0,0794g.

Tại Kết luận giám định số 1608/C54B ngày 08/5/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Chất màu trắng trong các gói ký hiệu: T_1, T_2, T_3, T_4 được niêm phong gửi giám định đều có chứa thành phần Heroine trọng lượng như sau:

+ Gói ký hiệu T_1: 66,6447g.

+ Gói ký hiệu T_2: 148,7665g.

+ Gói ký hiệu T_3: 185,9872g.

+ Gói ký hiệu T_4: 0,9479g.

- Gói ký hiệu K: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Methamphetamine, trọng lượng: 1,7571g.

Tại Kết luận giám định số 1609/C54B ngày 08/5/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói ký hiệu A_1: Chất màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Heroine, trọng lượng: 0,0939g.

- Gói ký hiệu A_4: Chất màu trắng trong 03 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Heroine, tổng trọng lượng: 1,2446g

- Gói ký hiệu A_5: Chất màu trắng trong 05 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Heroine, tổng trọng lượng: 4,1351g.

- Gói ký hiệu A_6: Chất màu trắng trong 06 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Heroine, tổng trọng lượng: 2,3310g.

- Gói ký hiệu A_7: Chất màu trắng trong 22 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Heroine, tổng trọng lượng: 3,4357g.

- Gói ký hiệu A_8: Chất màu trắng trong 61 gói nylon được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Heroine, tổng trọng lượng: 7,0677g.

Theo Công văn số 270/CV/C54B ngày 27/9/2016 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giải thích các Kết luận giám định số 1606/C54B, 1607/C54B 1608/C54B và 1609/C54B cùng ngày 08/5/2016 như sau:

1. Đối với Kết luận giám định số 1606/C54B ngày 08/5/2016:

- Gói ký hiệu N_1: Chất màu trắng đựng trong 14 gói nylon (bên ngoài bọc gói giấy), 38 gói nylon và 05 đoạn ống nhựa màu trắng sọc xanh được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 17,2219gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Gói ký hiệu N_2: Chất màu trắng đựng trong 03 gói nylon (bên ngoài bọc gói giấy) được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 0,3853gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

2. Đối với Kết luận giám định số 1607/C54B ngày 08/5/2016: Chất màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 0,0794gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

3. Đối với Kết luận giám định số 1608/C54B ngày 08/5/2016:

- Chất màu trắng trong các gói ký hiệu T_1, T_2, T_3, T_4 được niêm phong gửi giám định có trọng lượng: gói ký hiệu T_1: 66,6447gam; gói ký hiệu T_2:148,7665 gam; gói ký hiệu T_3: 185,9872gam; gói ký hiệu T_4: 0,9479gam, đều có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Gói ký hiệu K: Tinh thể màu trắng dựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 1,7571gam, có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

4. Đối với Kết luận giám định số 1609/C54B ngày 08/5/2016:

- Gói ký hiệu A_1: Chất màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 0,0939gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Gói ký hiệu A_4: Chất màu trắng đựng trong 03 gói nylon được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 1,2446gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Gói ký hiệu A_5: Chất màu trắng đựng trong 05 gói nylon được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 4,1351gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Gói ký hiệu A_6: Chất màu trắng đựng trong 06 gói nylon được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 2,3310gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Gói ký hiệu A_7: Chất màu trắng đựng trong 22 gói nylon được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 3,4357gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Gói ký hiệu A_8: Chất màu trắng đựng trong 61 gói nylon được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 7,0677gam, có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Kết luận giám định số 28/2016/GĐĐV ngày 16/6/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận như sau: Tại mặt sau của tờ lịch ghi ngày 9 (dương lịch) ngày 18 tháng 10 năm Giáp Ngọ bên trong phong bì niêm phong ký hiệu L2 phát hiện 01 (Một) dấu vết là vân lòng bàn tay. Dấu vết đủ yếu tố giám định.

Tại Kết luận giám định số 30/2016/GĐĐV ngày 29/6/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận như sau: Dấu vết đường vân trong Bản ảnh dấu vết vụ Trần Thị Kim P; sinh năm 1972 với vùng vân mô ngón cái bàn tay phải trên chỉ bản mang tên Trần Kim N, sinh năm 1983; ĐKTT: Số 20B ấp P N, xã P A H, huyện C T, tỉnh Bến Tre là vân tay của cùng một người.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Sau khi chấp hành án tại Trại giam An Phước tỉnh Bình Dương, ngày 30/8/2010 Trần Thị Kim P được đặc xá tha tù trước hạn về cư trú tại Số 84, Khu phố 2, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Bến Tre. Kim P mở quán kinh doanh ở nhiều nơi trên địa bàn huyện C T, tỉnh Bến Tre như: Quán Đ Q ở thị trấn C T, quán Salagood ở xã G L, quán T N ở xã A P, quán H Lở xã A K và cuối cùng là quán cà phê H T ở xã A K. Trong thời gian bán quán, Kim P quen và sống chung như vợ chồng với Tống Viết C; sinh năm 1981; ĐKTT: Ấp T L 2, xã T T, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre. Năm 2013, Kim P liên lạc với Huỳnh Thị Kim Ú (Kim P quen Ú khi chấp hành án tại Trại giam Đồng Tháp) kêu Ú về tỉnh Bến Tre phụ bán quán. Khoảng tháng 7/2015, Cầu chết do bệnh Lao, sau đó Kim P quen và sống chung như vợ chồng với Trần Kim N (thường gọi là Đen). Thời gian này, quán vắng khách, việc mua bán không hiệu quả dẫn đến thua lỗ, thiếu nợ nhiều người. Lúc C còn sống, Kim P, N và Ú biết C bán Heroine kiếm nhiều tiền, để có tiền trả nợ và để tiêu xài Kim P, N và Ú bàn bạc đi đến thống nhất với nhau là cùng nhau mua bán Heroine.

Từ tháng 8/2015 đến cuối tháng 12/2015, Kim P mua Heroine của một người tên An ở Thành phố Hồ Chí Minh (chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) đem về Bến Tre bán, An giới thiệu cho Kim P ba người để bán lẻ Heroine gồm: Thảo Ma, Huy, Liễu (Cả ba người này đều không xác định được họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể). Kim P phân công Ú và N trực tiếp bán Heroine cho Thảo Ma, Huy, Liễu tại quán cà phê H T. Tiền bán ma túy N và Ú đưa cho Kim P. Giai đoạn này Kim P mua Heroine của An khoảng từ 06 đến 08 lần, mỗi lần từ 30.000.000 đồng đến

60.000.000 đồng, hình thức thanh toán gửi qua xe khách, tiền lời mỗi lần từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2016 đến cuối tháng 02/2016, Kim P mua Heroine nhiều hơn nên An giới thiệu Kim P với Nguyễn Văn H, tên thường gọi: Mập, Cụt; sinh năm 1984; ĐKTT: Số 79/460, đường Q T, Phường 10, quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh để H bán Heroine cho Kim P. Kim P mua Heroine của H khoảng 06 đến 08 lần, mỗi lần từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Giai đoạn này, tham gia hoạt động mua bán Heroine cùng với Kim P, ngoài N và Ú ra còn có Phạm Thanh T, Trần Kim T, Văn Mộng L, Trần Vĩnh P và Phạm Thị Phương T. Hình thức thanh toán mua Heroine của H lúc đầu gửi qua xe khách, sau đó Thanh T đem tiền đến ngân hàng chuyển vào tài khoản của H. Khi mua được Heroine, Kim P giao cho N, Trần Kim T và Phạm Thanh T phân chia nhỏ ra. N và Ú tiếp tục bán ma túy cho Thảo Ma, Huy, Liễu đồng thời Kim P giao Heroine cho Kim T để Kim T bán lẻ và Kim T giao cho Ú, L, Phương T bán lẻ cho người sử dụng. Bán gần hết số Heroine của lần trước, T, Ú, L và Phương T nộp tiền lại cho Kim P thì Kim P giao Heroine bán tiếp. Tiền bán Heroine sau khi thu về Kim P giữ lại phần vốn, tiền lời sau khi trừ hết chi phí cho cả nhóm, phần còn lại Kim P tiếp tục trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khoảng đầu tháng 02/2016, tại sạp kẹo H N, Trần Vĩnh P nhận 01 gói Heroine của Kim P đem bán cho Lê Công T (Sinh năm 1991; ĐKTT: Ấp P T, xã P T, huyện C T, tỉnh Bến Tre) 200.000 đồng. Khoảng cuối tháng 02/2016, Vĩnh P nhận 02 gói Heroine của Kim P đem đến trạm dừng chân Hà Vân, Số 295, Quốc lộ 60, ấp P N, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Bến Tre bán cho người khách lạ (không xác định được họ tên, địa chỉ) giá 1.100.000 đồng, Kim P cho Vĩnh P 50.000 đồng.

Hoạt động mua bán Heroine của Kim P chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Bến Tre để tránh bị lực lượng Công an tỉnh Bến Tre phát hiện, Trần Thị Kim P bàn bạc, thống nhất với Phạm Thanh T và Lê Đỗ Bích A là sau khi Phước mua Heroine sẽ giao cho Thanh T. quản lý, cất giấu và phân chia tại Tiền Giang trước khi đem về Bến Tre giao cho người bán lẻ. Từ tháng 3/2016 đến khi các bị cáo bị bắt vào ngày 06/5/2016, Trần Thị Kim P đã mua ma túy của Nguyễn Văn H (Mập) bảy lần, mỗi lần 01 bánh Heroine. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 03/3/2016, Kim P điện thoại mua của Nguyễn Văn H 01 (Một) bánh Heroine giá 265.000.000 đồng, Kim P kêu N đi nhận Heroine, N điều khiển xe môt đến huyện B L, tỉnh Long An gặp H cùng người đàn em của H tên Bi (chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) tại quán nước cặp Quốc lộ 1A đợi Kim P. Sau đó, Kim P, Thanh T và Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác: Th; sinh ngày 18/7/2000; ĐKTT: Số 77D2, Khu phố 4, Phường 7, thành phố B T, tỉnh Bến Tre) đi chung 01 xe ôtô đến gặp H mua 01 bánh Heroine, Kim P đưa trước cho H 200.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán sau qua tài khoản. Kim P giao tiền cho H thì Bi đưa cho N 01 bánh Heroine đựng trong 01 túi giấy có hai quai. N nhận bánh Heroine mắc vào móc của ba ga xe môtô rồi điều khiển xe về đến tiệm bán quần áo, uốn tóc, gọi đầu tên Tony Phạm (do Thanh T và A làm chủ) ở ấp A M, xã A K, huyện C T, tỉnh Bến Tre,

giao cho A cất giữ. Sau đó, An giao bánh Heroine lại cho Thanh T, Thanh T đem bánh Heroine cất giấu tại kho hàng của T ở số 1355, Tổ 19, ấp P T, xã T M C, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang. Ngày 04/3/2016, Kim P, Thanh T và Kim T đến kho hàng của Tuyền phân chia bánh Heroine ra thành nhiều gói nhỏ. Phân chia xong, Kim P lấy 01 cục Heroine đem về đưa cho Trần Vĩnh P bán cho Diệp Phương U (tên gọi khác: Th; sinh năm: 1987; ĐKTT: Số 259B, đường T Đ, Phường 6, thành phố B T, tỉnh Bến Tre) giá 17.500.000 đồng. Sau khi bán Heroine cho U, Vĩnh P lấy 500.000 đồng và giao cho Kim P 17.000.000 đồng. Số Heroine còn lại, Thanh T giao cho Kim T nhiều lần để Kim T bán lẻ và Kim T giao cho Ú, L, Th bán lẻ cho những người nghiện và thu tiền bán được giao nộp lại cho Kim P.

Lần thứ hai: Ngày 11/3/2016, Thanh T thuê xe ôtô của nhà xe Đ L, ở Phường 3, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang để Kim P, N, H và Vĩnh P đi du lịch Nha Trang - Đà Lạt. Khi Kim P ở Đà Lạt, Thanh T điện thoại cho Kim P báo hết Heroine, Kim P kêu Thanh T gom tiền để mua 01 (Một) bánh Heroine. Ngày 14/3/2016, từ Đ L về đến thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng, Kim P gọi điện thoại cho H đặt mua 01 (Một) bánh Heroine giá 265.000.000 đồng, H đồng ý bán và hẹn gặp giao Heroine ở quán cà phê B L T(Số 40, đường Sài Gòn - T L, Khu phố 3, thị trấn T T, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh). Khoảng 16 giờ cùng ngày Kim P kêu Thanh T chuyển tiền cho H vào tài khoản mang tên Nguyễn Hồng H, số 060067908591, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh G V - Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 165.000.000 đồng trả trước cho H. Khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, Kim P, N, H và Vĩnh P gặp Bi tại quán cà phê B L T, Bi giao một túi nylon bên trong chứa 01 (Một) bánh Heroine cho Kim P nhưng Vĩnh P trực tiếp nhận bánh Heroine và cầm trên tay đem lên xe rồi quản lý bánh Heroine đó từ quán cà phê B L T - Thành phố Hồ Chí Minh về đến khu vực trước Quân Y viện 120 thuộc thành phố M T, tỉnh Tiền Giang, Vĩnh P trực tiếp giao cho Thanh T bánh Heroine đó. Nhận bánh Heroine, Thanh T đem cất giấu tại kho hàng của Thanh T số 1355 Tổ 19, ấp P T, xã T M C, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 1-2 ngày sau, Kim P, N đến kho hàng để cùng Thanh T phân bánh Heroine ra thành nhiều gói nhỏ giao cho Thanh T cất giữ. Sau đó, theo lệnh của Kim P, Vĩnh P và Ngọc H đến khu vực vườn hoa L H ở thành phố M T, tỉnh Tiền Giang gặp Thanh T nhận 01 cục Heroine. Có Heroine, Ngọc H chở Vĩnh P đến trạm xe khách Thảo C thành phố M T để Vĩnh P lên xe đến Thành phố Hồ Chí Minh giao cục Heroine cho An. Ngày hôm sau, Diệp Phương U (Thi) gọi điện thoại cho Kim P hỏi mua 01 cục Heroine, Kim P nói giá 17.500.000đ đồng, Heroine do Vĩnh P giao, U đồng ý. U và chồng tên Nguyễn Hải Đ (thường gọi: Vũ) đến nhà Kim P ở ấp P N, xã P A H để mua Heroine. Kim P kêu Vĩnh P lấy Heroine từ Thanh T bán cho U nên khi gặp U, U đưa Vĩnh P 17.500.000 đồng thì Vĩnh P nhận và cùng Ngọc H đến vườn hoa L H gặp Thanh T nhận 01 cục Heroine đem về giao cho U. Vĩnh P chỉ đưa cho Kim P 17.000.000 đồng, Vĩnh P hưởng 500.000 đồng. Số ma túy còn lại Thanh T giao cho Kim T nhiều lần để Tài bán lẻ và Kim T giao cho Ú, L, Th bán lẻ cho người nghiện. Tiền bán Heroine được, Kim T, Ú, L và Th giao nộp cho Kim P.

Lần thứ ba: Sau khi đi du lịch Đà Lạt (ngày 14/3/2016) về khoảng một tuần, Trần Thị Kim P liên hệ Hải đặt mua 01 bánh Heroine giá 265.000.000 đồng và hẹn giao nhận tiền và Heroine tại huyện B L, tỉnh Long An. Kim P đưa cho N 100.000.000 đồng được gói lại trong 01 túi nylon, kêu N đi đến B L mua Heroine của H đem về giao cho Thanh T cất giữ. N điều khiển xe môtô đến B L gặp Bi tại quán cà phê cặp Quốc lộ 1A N giao cho Bi 100.000.000 đồng và nhận từ Bi 01 bánh Heroine được để trong túi nylon. Khoảng 16 giờ cùng ngày, N về tới Tiền Giang giao cho Thanh T 01 (Một) bánh Heroine tại khu vực cầu T L. Thanh T nhận bánh Heroine đem về nhà cất giữ. Kim P kêu Thanh T phân liền một cục Heroine khoảng 18 gam để giao cho những người bán lẻ. Số Heroine còn lại Thanh T đem xuống kho hàng của Thanh T tại ấp T H, xã A T T, huyện C G, tỉnh Tiền Giang cất giấu, sau đó Thanh T tiếp tục phân ra nhiều gói nhỏ và giao cho Kim T nhiều lần để Kim T bán lẻ và Kim T giao cho Ú, L, Th bán lẻ, bán hết Heroine thu tiền về cho Kim P.

Lần thứ tư: Sáng ngày 29/3/2016, Trần Thị Kim P điện thoại kêu Thanh T đem tiền qua nhà Kim P tại ấp P Ni, xã P A H để N đi mua 01 bánh Heroine. Thanh T nói với Kim P cho N qua Tiền Giang gặp Thanh T lấy tiền rồi đi mua Heroine luôn thì Kim P đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, N gặp Thanh T tại quán cà phê gần ngã ba T L, Thanh T đưa cho N số tiền khoảng 140.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng để trong 01 túi nylon màu đen và Thanh T đưa cho N 500.000 đồng tiền công đi mua Heroine. Nhận tiền xong, N đến B L gặp Bi tại quán cà phê cặp Quốc lộ 1A, giao tiền cho Bi và nhận từ Bi một túi nylon màu vàng nhạt bên trong có 01 bánh Heroine và một chai nước uống loại 500ml, bánh Heroine để trong 01 hộp nhựa. Khoảng 16 giờ cùng ngày, N về đến thành phố M T gặp và giao bánh Heroine cho Thanh T tại khu vực gần cầu T L. Thanh T đem bánh Heroine về cất giấu ở bãi cỏ trước nhà của Thanh T (số 8/1, Đ B L, Khu phố 5, Phường 9, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang). Khoảng 22 giờ cùng ngày, Công an Phường 9, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang kiểm tra hộ khẩu nhà Thanh T nên sáng sớm hôm sau Thanh T đem bánh Heroine cất giấu tại kho hàng của Thanh T ở ấp T H, xã A T T rồi quay về cùng Bích A và Kim P uống nước tại quán T V. Thanh T phân bánh Heroine ra thành nhiều cục nhỏ, giao Heroine cho Kim T hai lần để Kim T bán lẻ và Kim T giao cho Ú, L, Th bán lẻ. Trước đó, lúc uống cà phê tại quán T V, Thanh T và Bích A nói N và Thanh T bị chụp hình khi N giao bánh Heroine cho Thanh T nên Kim P kêu Thanh T đưa hết số Heroine còn lại cho Kim P. Thanh T đến kho hàng gom hết Heroine đưa cho Kim P, Kim P kiểm tra số Heroine của Thanh T giao phát hiện thiếu 04 cục. Tối hôm đó, Thanh T đến kho hàng ở xã A T T tìm thấy 04 cục Heroine nên đem về để giao cho Kim P, trên đường về thấy có xe chạy theo sau nên Thanh T quăng bỏ 04 cục Heroine vào lề đường. Sau đó, Kim P kêu Trần Vĩnh P cùng đi với Thanh T tìm 04 cục Heroine nhưng không thấy. Số Heroine nhận từ Thanh T, Kim P giao cho Kim T nhiều lần để Kim T bán lẻ và Tài giao cho Ú, L, Th bán lẻ. Tiền thu được Kim T giao nộp cho Kim P.

Lần thứ năm: Ngày 22/4/2016, Kim P, N, Thanh T, Bích A, Vĩnh P và sáu người bà con, bạn bè hàng xóm của N và Kim P đi du lịch tại M N thuộc tỉnh Bình

Thuận. Lúc đang ở M N, Kim P gọi điện thoại cho H đặt mua 01 bánh Heroine giá 265.000.000 đồng, H đồng ý hẹn khi nào Kim P về đến Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giao Heroine. Ngày 24/04/2016, trên đường từ Bình Thuận về, Kim P điện thoại cho H hẹn giao nhận tiền và Heroine tại quán nước cặp đường V V K (đoạn gần hầm T T). Khoảng 16 giờ cùng ngày, Kim P kêu xe dừng lại trước quán nước ven đường V V K, cách hầm T T khoảng 02km. Kim P, Vĩnh P, N và Bích A xuống xe vào quán uống nước và vào cửa hàng gần đó xem quần áo để chờ H đến giao Heroine. Sau đó, H cho một người thanh niên (không xác định được họ tên và đia chỉ) đi xe môtô đến giao Heroine. Kim P đưa cho Vĩnh P tiền USD Mỹ và tiền Việt Nam, quy đổi thành tiền Việt Nam khoảng 150.000.000 đồng, Vĩnh P giao tiền cho người thanh niên này và nhận 01 bánh Heroine đựng trong túi nylon, Vĩnh P cầm bánh Heroine đem lên xe giữ trong người cho đến khi về tới đầu hẻm vào nhà Thanh T tại Phường 9, thành phố M T giao bánh Heroine cho Thanh T. Thanh T đem bánh Heroine đến phòng trọ do Thanh T và Kim P thuê tại Ấp 5, xã T A, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang để cất giấu. Ngày hôm sau, Kim P, N, Thanh T và Bích A gặp nhau tại quán cà phê R X C (Số 147A, Quốc lộ 60, Khu phố 8, Phường 5, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang) sau đó Thanh T và N đến phòng trọ phân chia Heroine còn Bích A và Kim P đi mua sắm. Khi Bích A và Kim P quay về phòng trọ N và Thanh T phân Heroine chưa xong. Sau đó, trong lúc Thanh T đi mua cơm, Bích A vào phụ phân Heroine với N bằng cách dùng đèn cầy phụ hàn túi nylon chứa Heroine bên trong. Phân Heroine xong, Bích An phụ dọn dẹp, Thanh T cất giấu Heroine trên la phong của phòng trọ rồi tất cả ra về. Số ma túy trên Thanh T giao cho Kim T nhiều lần để Kim T bán và Kim T phân phát cho Ú, L, Th bán lẻ, bán xong đem nộp tiền cho Kim P.

Lần thứ sáu: Tối ngày 28/4/2016, Trần Thị Kim P nói với Trần Thị Ngọc H là sáng ngày 29/4/2016 Ngọc H sẽ cùng Trần Vĩnh P đi Thành phố Hồ Chí Minh mua Heroine, Ngọc H đồng ý. Sáng ngày 29/4/2016, tại nhà của Kim P ở ấp P N, xã P A H, Kim P kêu Vĩnh P cùng Ngọc H đi Thành phố Hồ Chí Minh mua Heroine, Vĩnh P đồng ý. Sau đó, Kim P, Vĩnh P, Ngọc H và N đến thành phố M T, tỉnh Tiền Giang ăn uống. Do bô xe môtô của Vĩnh P có tiếng nổ lớn nên Kim P kêu Vĩnh P lấy xe môtô biển số 71B2-154.81 của Kim P đi Thành phố Hồ Chí Minh mua Heroine. Kim P, Ngọc H, Nn và Vĩnh P đến quán cà phê R X C gặp Thanh T, Thanh T đưa cho Kim P 15.000.000 đồng tiền này do Huỳnh Thị Kim Ú trả tiền mua Heroine ngày hôm trước. Kim P lấy số tiền này nhập vào 85.000.000 đồng đang mang theo để đủ 100.000.000 đồng rồi dùng dây thun buộc lại, bỏ vào 01 túi nylon màu đen giao cho Ngọc H, Kim P đưa cho Vĩnh P 500.000 đồng tiền công. Kim P đưa thêm cho Ngọc H 01 túi xách vải có quai, kêu Ngọc H bỏ tiền vào và mang vào người, Ngọc H kêu Vĩnh P mở cốp xe cho Ngọc H bỏ túi xách vào. Kim P dặn Ngọc H không để cho Vĩnh P giữ tiền. Vĩnh P chở Ngọc H bằng xe môtô biển số 71B2-154.81 đến Thành phố Hồ Chí Minh mua Heroine. Sau khi Vĩnh P và Ngọc H đi thì Kim P kêu Thanh T chiều lên mở cửa phòng trọ để cất giấu Heroine nhưng do ngày hôm đó Thanh T chở Bích A và các con về quê ở thành phố Cần Thơ nên Tuyền giao chìa khóa phòng trọ ở T A lại cho Kim P.

Vĩnh P và Ngọc H tới địa bàn huyện B L, tỉnh Long An, người giao Heroine gọi điện cho Ngọc H, kêu Ngọc H khi nào tới công viên P L thì gọi điện lại. Đến bến xe M T, Ngọc H gọi điện thoại cho người giao Heroine, người này kêu Ngọc H sang công viên P L. Vĩnh P chở Ngọc H đến trước quán nước cặp lề đường gần công viên P L, người giao Heroine gọi điện thoại cho Ngọc H, Ngọc H chỉ đường và cùng Vĩnh P vào quán nước ngồi đợi. Đợi được vài phút, không thấy người giao Heroine đến, Ngọc H điện thoại thì người này nói không biết đường đến. Ngọc H kêu người giao Heroine đợi ở ngay vòng xoay P L, Ngọc H cho người ra rước. Ngọc H kêu Vĩnh P mở cốp xe, Ngọc H lấy túi tiền giữ và đưa điện thoại di động của Ngọc H cho Vĩnh P đem theo để tiện liên lạc trước người giao Heroine. Vĩnh P và người giao Heroine gặp Ngọc H tại quán nước cặp lề đường. Người giao Heroine vào bàn ngồi đối diện với Ngọc H, mặt nhìn ra đường, Hân nhìn vào quán còn Vĩnh P chạy xe lên vỉa hè, dựng xe bên trái của Ngọc H, đầu xe hướng vào bên trong đuôi xe hướng ra đường và ngồi lên yên mặt hướng về phía Ngọc H. Biết là người của H đem Heroine đến giao cho Kim P nên Ngọc H để gói tiền lên bàn và nói: "Của chị Kim P gửi cho anh Mập", người này hỏi bao nhiêu, Ngọc H nói: "Không biết, về đưa cho Mập thì Mập biết". Người này lấy gói tiền và để lên mặt bàn 01 (Một) túi nylon màu trắng sữa bên trong có 01(một) bánh Heroine được để trong 01 (Một) cái hộp giấy được gói lại bằng giấy kiếng và nói với Ngọc H: "Quà của em". Ngọc H lấy túi nylon có bánh Heroine bên trong đưa cho Vĩnh P, Vĩnh Phước mắc lên móc bên hong trái của xe môtô. Sau đó Vĩnh P điều khiển xe môtô chở Ngọc H về thành phố M T vào quán cà phê chòi tên B (Số 32, đường H V N, Khu phố 4, Phường 10, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang). Hân gọi điện thoại cho Kim P còn Vĩnh P thì gọi điện thoại cho N báo địa điểm để N và Kim P đến nhận Heroine. N chở Kim P đến quán cà phê B, Vĩnh P lấy túi nylon có 01 bánh Heroine đưa cho N. N đem bánh Heroine cất giấu trên la phong của phòng trọ ở Ấp 5, xã T A. Qua 2-3 ngày sau, Kim P, N và Thanh T đến phòng trọ phân bánh Heroine ra thành nhiều gói nhỏ. Phân chia bánh Heroine xong Kim P đem về Bến Tre một số để giao cho người bán lẻ, số Heroine còn lại Thanh T giữ, sau đó Thanh T giao cho Kim T để Kim T bán lẻ và Kim T giao cho Ú, L, Th bán lẻ.

Khoảng 18 giờ ngày 05/5/2016, Kim T đưa cho Nguyễn Thị Mười L (là vợ của Kim T) 01 (Một) gói Heroine, Mười L bán cho Nguyễn Duy K, sinh năm 1995; ĐKHKTT: Ấp 9, xã P L, huyện G T, tỉnh Bến Tre và thu 550.000 đồng đưa cho Kim T.

Lần thứ bảy: Khoảng 12 giờ ngày 05/5/2016, Trần Thị Kim P gọi điện thoại kêu Trần Kim T đến nhà Kim P lấy tiền đi Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy. Kim T rủ Trần Thanh T; sinh năm 1987; ĐKTT: 33A, Khu phố 2, thị trấn C T, huyện C T, tỉnh Bến Tre đến nhà Kim T đi công chuyện nhưng không nói rõ là đi đâu. Kim T chở T đến nhà Kịm P tại ấp P N, xã P A H. Kim P đưa cho Kim T 180.000.000 đồng bỏ vào 01 túi nylon màu đen được quấn băng keo lại đưa cho Kim T, Kim P kêu Kim T lấy xe môtô biển số 63B9 - 151.83 của Kim P đi nên Kim T mở cốp xe bỏ tiền vào. Kim P lấy điện thoại của Kim T bấm số gọi cho H nói: " Một lát số này gọi", rồi đưa điện thoại lại cho Kim T,

dặn Kim T khi lên đến bến xe Miền Tây thì gọi vào số điện thoại Kim P vừa gọi để mua ma túy. Kim P đưa cho Tài 1.000.000 đồng chi phí đi mua Heroine. Kim T nhận 1.000.000 đồng từ Kim P rồi đưa cho T cất giữ. Sau đó, Kim T điều khiển xe môtô của Kim P chở T đi Thành phố Hồ Chí Minh mua Heroine. Đến bến xe M T, Kim T lấy điện thoại gọi cho H nhưng H không nghe mà có người khác gọi lại cho Kim T kêu Kim T chạy đến công viên P L. Kim T đến công viên P L gọi điện thoại cho người vừa gọi thì người này kêu Kim T chạy về bến xe M T, Kim T chạy ngược trở lại bến xe M T, tiếp tục gọi thì người này kêu T trở lại công viên P L, Kim T chạy trở lại công viên P L. Khi gần đến công viên P L, Kim T điện thoại trao đổi biết người này đi xe Wave màu trắng đậu ở lề đường bên phải, Kim T chạy xe hướng về công viên P L nhìn thấy 01 thanh niên lạ mặt ngồi ở quán cà phê lề đường ngoắc tay nên dừng xe hỏi: " Đồ của Kim P đâu ?", người thanh niên chỉ vào 01 túi nylon bên trong có lá cây bồ ngót và 01 bánh Heroine để sát vách tường cách người thanh niên khoảng 1-2 mét, cách Kim T và T khoảng 2,5 mét. Kim T lấy gói tiền đem đến để trên bàn, người thanh niên nói với Kim T: "Lấy cái đó về ăn đi", Kim T lấy túi nylon màu trắng sữa bên trong có 01 bánh Heroine và lá cây bồ ngót mắc lên baga trước xe môtô rồi điều khiển xe chở T về Tiền Giang gọi điện thoại cho Thanh T. Thanh T kêu Kim T đến quán R X C vì có Kim P ở đó. Kim T chở T đến quán R X C gặp Thanh T, Kim P và Vĩnh P, Kim T giao cho Thanh T bánh Heroine. Thanh T đem bánh Heroine đến cất giấu trong phòng trọ ở Ấp 5, xã T A, đồng thời lấy số Heroine trị giá 15.000.000 đồng giao cho Kim T để Kim T và Ú, L, Th bán lẻ. Kim T nhận Heroine của Thanh T, rồi chở T về nhà Kim T ở Bến Tre. T đưa cho Kim T 1.000.000 đồng (số tiền lúc đi Kim P đưa cho Kim T). Biết T đang khó khăn nên Kim T cho T số tiền 1.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ ngày 06/5/2016, Kim P, N và Thanh T đến nhà trọ nơi Thanh T cất giấu bánh Heroine, Thanh T và N phân bánh Heroine ra thành nhiều cục nhỏ còn Kim P thì ở kế bên xem. Kim P kêu đi ra ngoài ăn rồi về phân tiếp nên Thanh T gom số Heroine đã phân ra để ở gần cầu thang và cùng Kim P, N ra ngoài để đi ăn. Khi vừa ra khỏi cửa phòng trọ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre bắt giữ.

Ngoài việc mua bảy lần 07 bánh Heroine kể trên, từ ngày 29/3/2016 đến ngày 22/4/2016, Trần Thị Kim P còn mua Heroine của H khoảng 05 đến 06 lần, mỗi lần mua từ khoảng 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng, Trần Thị Ngọc H là người trực tiếp chuyển tiền qua tài khoản để thanh toán cho H. Số tiền thu lợi mỗi lần khoảng 10.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của giai đoạn này khoảng 50 triệu đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Kim P, Trần Kim N, Phạm Thanh T, Trần Vĩnh P, Trần Kim T, Lê Đỗ Bích A, Huỳnh Thị Kim Ú, Văn Mộng L, Phạm Thị Phương T, Nguyễn Thị Mười L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Vĩnh P (Tr, Tr A) 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 17/5/2016.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đỗ Bích A 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trần Thị Kim P "Tù chung thân", Trần Kim N (Đen) 20 (Hai mươi) năm tù, Phạm Thanh T 20 (Hai mươi) năm tù, Trần Kim T (Ph) 18 (Mười tám) năm tù, Huỳnh Thị Kim Ú (Cúc) 09 (Chín) năm tù, Văn Mộng L (Th) 09 (Chín) năm tù, Phạm Thị Phương T (B B) 09 (Chín) năm tù, Nguyễn Thị Mười L 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, buộc các bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 27/7/2017 bị cáo Trần Vĩnh P kháng cáo kêu oan.

Ngày 19/7/2017 bị cáo Lê Đỗ Bích A kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Vĩnh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan, bị cáo thừa nhận có đi chung với Trần Thị Kim P và những người đồng phạm trong vụ án, có biết những người làm chứng nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử.

Bị cáo Lê Đỗ Bích A khai nhận hành vi phạm tội, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát trình bày:

Đối với bị cáo Lê Đỗ Bích A khai nhận hành vi phạm tội, kháng cáo xin được hướng án treo. Hành vi phạm tội của bị cáo với vai trò giúp sức, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 15 năm tù là có căn cứ, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo A xin hưởng án treo.

Đối với bị cáo Trần Vĩnh P kháng cáo kêu oan, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, lời khai của các bị cáo là đồng phạm, lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, xét có đủ căn cứ kết tội bị cáo Trần Vĩnh P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", nhân thân có tiền án, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 20 năm tù là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Vĩnh P, đề nghị y án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Vĩnh P:

Bị cáo Vĩnh P không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng trong hồ sơ vụ án chỉ có một biên bản ghi lời khai có chữ ký của luật sư. Một số người làm chứng

khác vắng mặt, không có điều kiện để đối chất, xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, người bào chữa, ý kiến của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy" có các bị cáo Trần Thị Kim P, Trần Kim N, Phạm Thanh T, Trần Vĩnh P, Trần Kim T, Lê Đỗ Bích A (điểm b, khoản 4 Điều 194); các bị cáo Huỳnh Thị Kim Ú, Văn Mộng L, Phạm Thị Phương T (điểm b, khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự) và Nguyễn Thị Mười L (khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự). Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo từ tù Chung thân, tù có thời hạn đến 20 năm tù, trong đó có một trường hợp cho hưởng án treo. Sau khi xử sơ thẩm, có bị cáo Trần Vĩnh P kháng cáo kêu oan, bị cáo Lê Đỗ Bích A kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo còn lại không kháng cáo, không bị kháng nghị.

[2] Xét kháng cáo của Trần Vĩnh P

Theo tài liệu điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Trần Thị Kim P cùng các đồng phạm tổ chức mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 3/2016 đến khi bị bắt quả tang (06/5/2016). Trần Thị Kim P đã mua ma túy của Nguyễn Văn H (Mập). Cơ quan điều tra khám xét tại nhà của các bị cáo, thu giữ số lượng ma túy: 438,3409g Heroine và 1,7571g Methaphetamine. Bị cáo Trần Vĩnh P kháng cáo kêu oan, không thừa nhận với vai trò giúp Kim P và các đồng phạm khác mua bán trái phép chất ma túy như cấp sơ thẩm truy tố, xét xử.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm thẩm tra lời khai của các bị cáo trong vụ án (Trần Thị Kim P, Trần Kim N, Phạm Thanh T, Lê Đỗ Bích A, Huỳnh Thị Kim Ú) và lời khai của những người làm chứng khác (Diệp Phương U, Nguyễn Hải Đ, Lê Hoàng H, Huỳnh Bá C, Trần Thị Ngọc H, Trần Văn M) các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm những người này đều khai hành vi của Trần Vĩnh P tham gia đồng phạm trong vụ án theo các lần mua bán ma túy được mô tả chi tiết theo nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên. Theo đó, hành vi của Trần Vĩnh P giúp Trần Thị Kim P 03 lần mua ma túy: Vĩnh P nhận bánh Heroine từ Bi và quản lý bánh Heroine này về đến M T (Tiền Giang) giao lại cho Thanh T (lần mua ma túy ngày 11/3/2016); Vĩnh P là người nhận tiền của Kim P và trực tiếp giao cho người bán Heroine tại đường V V K (gần hầm T T) và đến nhà Thanh T giao lại cho Thanh T sau chuyến đi du lịch M N, Bình Thuận (ngày 24/4/2016); Vĩnh P cùng Trần Thị Ngọc H đi Thành phố Hồ Chí Minh mua Heroine về M T giao lại cho Trần Kim N (lần mua ma túy ngày 29/4/2016). Những lần Trần Vĩnh P bán ma túy là: bán cho Diệp Phương U (hai lần), Vĩnh P và Trần Thị Ngọc H đến gặp Thanh T lấy Heroine đi Thành Phố Hồ Chí Minh giao cho một người tên An. Ngoài ra, Vĩnh P bán Heroine cho Lê Công T (đầu

tháng 2/2016), bán cho một người không rõ họ tên tại số 295 Quốc lộ 60 ấp P N, thị trấn C T, huyện C T (Tiền Giang), Vĩnh P nhiều lần mua ma túy của Trần Kim N bán lẻ cho người sử dụng Lê Hoàng H, Trần Văn M, Nguyễn Huỳnh Trung T, Huỳnh Bá C. Ngoài những lần mua bán ma túy nêu trên, Vĩnh P cùng Thanh T đi tìm 04 cục Heroine nhưng không tìm thấy (trong lần mua bán Heroine của Kim P ngày 29/3/2016)

[4] Với tài liệu mà cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo trong vụ án (không kháng cáo) và những người làm chứng khác có mặt đều giữ nguyên lời khai của họ tại hai lần phiên tòa sơ thẩm, khẳng định Trần Vĩnh P tham gia giúp Trần Kim P mua bán ma túy như nội dung lời khai của những người này. Bị cáo Trần Vĩnh P khai nhận có mặt trong những lần mua ma túy nhưng bị cáo khai là không biết là những bị cáo đồng phạm mua bán ma túy và không bán ma túy cho những người đã mua của Vĩnh P, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo Trần Vĩnh P phạm tội mua bán ma túy theo điểm b, khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự (năm 1999) là đúng pháp luật, không oan, xem xét mức độ hành vi phạm tội và nhân thân có tiền án, xử phạt bị cáo 20 năm tù là phù hợp, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Vĩnh P.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Đỗ Bích A

Bị cáo Lê Đỗ Bích A (vợ của Phạm Thanh T) thực hiện hành vi tham gia mua bán ma túy giữa Trần Thị Kim P với Phạm Thanh T với hành vi như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết là nhận Heroine từ Trần Kim N, trực tiếp trả tiền công cho N (2 lần), khi T bận việc Bích A đã nhiều lần giao Heroine cho Trần Kim T và nhận tiền, Huỳnh Thị Kim Ú, Phạm Thị Phương T; thực hiện hành vi xuống xe để ngụy trang giúp sức cho việc mua Heroine của Kim P tại đường V V K (gần hầm T T). Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, xin hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét mức độ phạm tội của bị cáo A, xử phạt bị cáo 15 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật; Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Y án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Đỗ Bích A.

[6] Các bị cáo Trần Vĩnh P, Lê Đỗ Bích A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự (năm 2003);

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Lệ phí, Án phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Vĩnh P, Lê Đỗ Bích A;

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự (năm 1999 - được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Trần Vĩnh P (Tr, Tr A), 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Vĩnh P theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự (năm 1999 - được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Lê Đỗ Bích A, 15 (mười lăm) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Buộc các bị cáo Trần Vĩnh P, Lê Đỗ Bích A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp **Đinh Ngọc Thu Hương** **Huỳnh Sáng**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre;
(để tống đạt cho bị cáo Vĩnh Phước);
- Bị cáo Bích An;
- Lưu: VP, Hồ sơ, 15bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Sáng